

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2141~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~24~~ tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ
tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh về một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1799/TTr-SKHHCN ngày 16/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH-CN;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KH-KT tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2141~~ **141**/QĐ-UBND ngày ~~24~~ **24** tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. Tính cấp thiết

Sở hữu trí tuệ ngày càng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong xu thế hội nhập sâu và toàn diện như hiện nay, sở hữu trí tuệ là công cụ đặc lực để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Sở hữu trí tuệ là một lĩnh vực đa ngành và phức tạp nên công tác nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ, các thông tin, kiến thức và pháp luật có liên quan là rất cần thiết, giúp giảm tình trạng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong cộng đồng, thúc đẩy sự tăng trưởng về kinh tế - xã hội. Vì vậy, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp lý để thúc đẩy hoạt động sở hữu trí tuệ: Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030; Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, nhằm hỗ trợ và tạo động lực thúc đẩy hoạt động sở hữu trí tuệ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020. Chương trình đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong tất cả các mặt của lĩnh vực sở hữu trí tuệ, ý thức của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về quyền sở hữu trí tuệ được nâng cao, số lượng đơn đăng ký bảo hộ nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ và số văn bằng được cấp năm sau luôn cao hơn năm trước. So với giai đoạn 2011 - 2015, số văn bằng được bảo hộ trong toàn tỉnh bình quân 36,4 văn bằng/năm thì giai đoạn 2016 - 2020 là 47,7 văn bằng/năm. Đặc biệt, đến cuối năm 2021, ước có 57 sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc thù địa phương được bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và 02 sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, như: Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh chưa quan tâm đúng mức tới việc đăng ký và bảo vệ tài sản trí

tuệ; các địa phương, tổ chức và cả chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận còn nhiều lúng túng trong khâu quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu đã được bảo hộ. Hoạt động bảo hộ sáng chế, thiết kế bố trí mạch bán dẫn, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng còn hạn chế.

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1068/QĐ-TTg và Quyết định số 2205/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời phát huy kết quả đạt được của Chương trình khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, thì việc ban hành “Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030” là hết sức cần thiết. Việc ban hành và triển khai thực hiện Chương trình nhằm tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát triển giá trị tài sản trí tuệ, chú trọng xây dựng, bảo vệ nhãn hiệu, nâng cao uy tín, giá trị các sản phẩm; hỗ trợ có trọng tâm để phát triển hiệu quả nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; đẩy mạnh hoạt động khai thác thông tin sáng chế, đổi mới sáng tạo; góp phần nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy sự phát triển của hệ thống sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ở tất cả các khâu xác lập, khai thác, bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Qua đó, nâng cao giá trị, hiệu quả, sức cạnh tranh của các sản phẩm và dịch vụ trên địa bàn tỉnh; khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Số văn bằng bảo hộ tăng 20% so với giai đoạn 2016 - 2020.
- Tối thiểu 50% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh, sản phẩm OCOP được đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.
- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ra nước ngoài cho 1 - 2 sản phẩm chủ lực của tỉnh.
- Hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho 1 - 2 sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm đạt giải Hội thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh.

b) Đến năm 2030

- Số văn bằng bảo hộ tăng 50% so với giai đoạn 2016 - 2020.
- Tối thiểu 70% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh, sản phẩm OCOP được đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.
- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ra nước ngoài cho 2 - 4 sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho từ 2 - 4 sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm đạt giải Hội thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh.

III. Nguyên tắc quản lý, đối tượng hỗ trợ và hình thức thực hiện

1. Nguyên tắc quản lý

a) Thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Việc quản lý Chương trình phải đảm bảo công khai, minh bạch. Các nhiệm vụ thuộc Chương trình được triển khai theo đúng mục tiêu, nội dung và không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể quyền khác.

c) Sử dụng kinh phí của Chương trình đúng mục đích, có hiệu quả, tuân thủ Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Đối tượng hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động tạo lập, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.

3. Hình thức thực hiện

a) Nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình: Là nhiệm vụ gắn với chức năng, chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan quản lý, được thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán kinh phí sự nghiệp hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ, bao gồm:

- Tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm và các nhiệm vụ có liên quan trong phạm vi Chương trình.

- Sơ kết, tổng kết Chương trình.

b) Nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo lập quyền sở hữu trí tuệ được áp dụng theo các cơ chế, chính sách của Tỉnh thực hiện Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình: Là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu tạo lập, quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ; trong đó, ưu tiên các dự án tạo lập, quản lý, khai thác, phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của địa phương; các dự khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm đạt giải Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, cấp vùng, cấp Quốc gia; các đề tài nghiên cứu nhằm tạo ra tài sản trí tuệ.

IV. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Tổ chức hoạt động tuyên truyền về sở hữu trí tuệ thông qua nhiều hình thức như: Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức các sự kiện về sở hữu trí tuệ (hội thảo, hội nghị, tọa đàm, triển lãm). Tăng cường các hình thức tuyên truyền trực tuyến. Khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ thường xuyên hằng năm

b) Tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát triển tài sản trí tuệ.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ thường xuyên hằng năm

c) Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân, ưu tiên hỗ trợ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ thường xuyên hằng năm

d) Hỗ trợ thúc đẩy hợp tác giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp nhằm tạo ra các kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước

a) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; trong đó ưu tiên các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ hỗ trợ được áp dụng theo các cơ chế, chính sách của Tỉnh thực hiện Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm, dịch vụ lợi thế, chủ lực của địa phương và các sản phẩm gắn với chương trình OCOP.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Hỗ trợ quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ quản lý, khai thác, phát triển hiệu quả chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo

hướng hợp tác, liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm đạt giải Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh, cấp vùng, cấp Quốc gia.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Hỗ trợ giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại cho các tài sản trí tuệ như hội chợ, triển lãm, phiên chợ giới thiệu các đặc sản, sản phẩm làng nghề.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ thường xuyên hằng năm.

V. Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Yêu cầu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

- Có tính cấp thiết, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ của tỉnh Quảng Ngãi.

- Kết quả, sản phẩm được áp dụng thực tiễn và có khả năng duy trì, nhân rộng sau khi nhiệm vụ kết thúc.

- Không trùng lặp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và Chương trình đã và đang thực hiện.

- Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình tối đa là 36 tháng. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Mã số các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình được ghi mã số như sau:

SHTT.XX-20YY, trong đó:

a) SHTT: Là ký hiệu chung cho nhiệm vụ thuộc Chương trình

b) XX: Là ký hiệu số thứ tự của nhiệm vụ

c) YY: Là ký hiệu 2 chữ số cuối của năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

3. Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

- Việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình áp dụng theo Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Việc xây dựng dự toán, thanh quyết toán áp dụng Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các quy định hiện hành.

4. Biểu mẫu áp dụng

Biểu mẫu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình được áp dụng theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

VI. Kinh phí thực hiện

1. Khái toán tổng kinh phí thực hiện Chương trình là: 14.911.800.000 đồng (*Mười bốn tỉ chín trăm mười một triệu tám trăm ngàn đồng*). Danh mục nhiệm vụ và khái toán kinh phí thực hiện Chương trình tại *Phụ lục kèm theo*.

2. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện Chương trình gồm kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện; nguồn đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

3. Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán, Sở Khoa học và Công nghệ lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình gửi Sở Tài chính thẩm định. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình;

b) Chủ trì hướng dẫn tổ chức, cá nhân đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ thuộc Chương trình và tổ chức quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định;

c) Hướng dẫn thủ tục hồ sơ cho các tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và thực hiện xét duyệt hồ sơ, hỗ trợ theo quy định;

d) Tham mưu xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt;

đ) Tổ chức tập huấn công tác sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp cho cán bộ quản lý, UBND huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan;

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ;

g) Tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025 và tổng kết Chương trình vào năm 2030; tổng hợp, định kỳ báo cáo kết quả cho UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở Chương trình được cấp thẩm quyền phê duyệt và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do các Sở, ban, ngành lập; Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định và tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Sở Công Thương

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp;

b) Chủ trì tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường thương hiệu các đặc sản và sản phẩm ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

c) Đẩy mạnh công tác phối hợp, thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổ chức tập huấn công tác sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực giống cây trồng cho cán bộ quản lý, UBND huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan;

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất, xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các đặc sản, sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề có lợi thế để từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực của địa phương và các sản phẩm gắn với Chương trình OCOP.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Tổ chức tập huấn công tác sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực quyền tác giả và các quyền liên quan cho cán bộ quản lý, UBND huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các đặc sản gắn với xây dựng và phát triển các thương hiệu du lịch tỉnh;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền theo nội dung của Chương trình nhằm nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo, xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong cộng đồng.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Tuyên truyền, phổ biến Chương trình và các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; chủ động đề xuất, xây dựng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình; bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện Chương trình trên địa bàn.

8. Các sở, ban, ngành, các trường đại học, cao đẳng; các tổ chức, cá nhân có liên quan

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan thuộc Chương trình.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, nếu có vướng mắc, khó khăn, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân liên quan báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung Chương trình cho phù hợp./.

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ chính và khái toán kinh phí thực hiện

Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030

(kèm theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 24/12/2021

của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (1.000 đ)
1	Tổ chức hoạt động tuyên truyền về sở hữu trí tuệ (dự kiến 3-4 hoạt động/năm)	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Hàng năm	444.000
2	Tổ chức tập huấn về sở hữu trí tuệ (dự kiến 02 lớp/năm)	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan	Hàng năm	123.300
3	Tổ chức hội nghị, hội thảo; sơ kết năm 2025 và tổng kết năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan	Sơ kết 2025 và tổng kết 2030	144.500
4	Hỗ trợ thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (dự kiến 5 sáng chế, giải pháp hữu ích; 10 kiểu dáng công nghiệp; 10 giống cây trồng; 100 nhãn hiệu thông thường)	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan	Hàng năm	1.750.000
5	Đăng ký, quản lý, khai thác, phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá	2022-2030	11.250.000

	OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị (<i>dự kiến 15 nhiệm vụ</i>)		nhân liên quan		
6	Đăng ký, quản lý, khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực đặc thù của tỉnh (<i>dự kiến 2-3 nhiệm vụ</i>)	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan	2022-2030	1.200.000
	Tổng cộng				14.911.800